

Họ và tên:

Lớp:

PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN 1

Ôn tập các số đến 100 000. Biểu thức có chứa một chữ

1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 10 000; 20 000;;; 50 000;;; 80 000.

b) 25 500; 25 600;; 25 800;; 26 000;;

c) 43 135;;; 43 138;; 43 140;; 43 142.

2. Viết (theo mẫu):

Viết số	Chục nghìn	Nghìn	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
57 214	5	7	2	1	4	năm mươi bảy nghìn hai trăm mười bốn
	6	0	6	0	5	
						tám mươi tư nghìn không trăm hai mươi tám
15 004						

3. Tính nhẩm:

a) $6\,000 + 8\,000 = \dots\dots\dots$

$9\,000 \times 4 = \dots\dots\dots$

$26\,000 - 5\,000 = \dots\dots\dots$

$35\,000 : 5 = \dots\dots\dots$

b) $11\,000 + 6\,000 - 7\,000 = \dots\dots\dots$

$2\,000 \times 3 : 2 = \dots\dots\dots$

4. Tính:

a) $45\,276 + 4\,859 = \dots\dots\dots$

b) $65\,200 - 47\,054 = \dots\dots\dots$

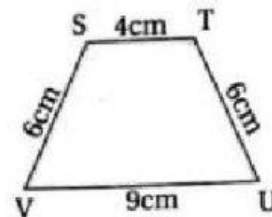
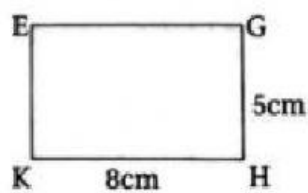
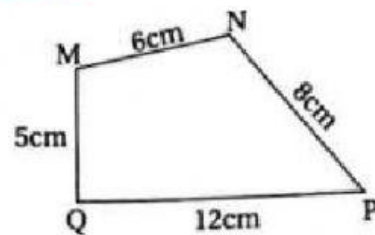
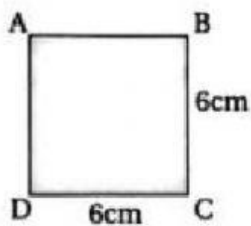
c) $23\,408 \times 4 = \dots\dots\dots$

d) $46\,104 : 8 = \dots\dots\dots$

5. Tính giá trị của biểu thức (theo mẫu):

a	300	274	1 670
$a + 365$	665		
$a - 150$			

b	3	5	6
$9 \times b$	27		
$180 : b$			

6. Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Trong các hình trên, hình có chu vi lớn nhất là:

- A. Hình vuông ABCD B. Hình tứ giác MNPQ
C. Hình chữ nhật EGHK D. Hình tứ giác STUV

7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Cho đề bài sau:

Một cửa hàng lần đầu mua 5 thùng vở ô li như nhau có tất cả 750 quyển vở, lần sau cửa hàng mua tiếp 8 thùng như thế. Hỏi cả hai lần cửa hàng mua về bao nhiêu quyển vở ô li?

Các bước giải của bài toán trên là:

Bước 1. Một thùng vở ô li có số quyển vở là: quyển

Bước 2. Tám thùng vở ô li như thế có số quyển vở là: quyển

Bước 3. Cả hai lần cửa hàng mua về số quyển vở là: quyển